



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE: 703-560-0058

IVE: \_\_\_\_\_

VE L.F.: \_\_\_\_\_

I- 711: Y HO

EXIT VISA: \_\_\_\_\_

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM  
(Ten Tu Nhan) Last (Ho) Middle First (Ten)

Current Address: 119 Nguyễn Văn Tao, Kí, Fg Thị xã Cà Mau

Date of Birth: 1944 Place of Birth: Xuân Đông {Minh Hải}

Previous Occupation (before 1975) Master Sergeant  
(Rank & Position) SQ 44/153 659 - KBC 6160

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP  
(Thang - Ngày - Năm) Dates: From Mar 7, 1979 to Mar 7, 1990  
Years: 11 Months: Days:

3. SPONSOR'S NAME:  
(Hieu co) Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| Name, Address & Telephone Number | Relationship |
|----------------------------------|--------------|
|                                  |              |
|                                  |              |
|                                  |              |
|                                  |              |
|                                  |              |

If you are eligible to file for the applicant under Category 1 of the ODJ criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on ISN Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ VĂN HẢI  
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|---------------|---------------------|
| PHAN THỊ CAM                             | 1939          | Wife                |
| LÊ THỊ MỸ                                | Nov 30, 1970  | Daughter            |
| LÊ VĂN CHÂU                              | Nov 4, 1971   | Son                 |
| LÊ VĂN THANH                             | Nov 9, 1973   | Son                 |
| LÊ VĂN TRÍ                               | Nov 9, 1973   | Son (twin)          |
| LÊ VĂN CƯỜNG                             | Dec 10, 1975  | Son                 |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from :  
\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_

APPROPRIATE COMMENTS :

LÊ VĂN HẢI  
119 Nguyễn Văn Tao  
Khóm 1, F. 9  
Thị xã Cà Mau  
Mình Hải  
(Vietnam)



# HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0635

TELEPHONE: 703-560-0058

IVF: \_\_\_\_\_

VE L.F.: \_\_\_\_\_

I- 711: Y NO

EXIT VISA: \_\_\_\_\_

## POLITICAL PRISONER REHABILITATION FORM (Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM: 170 Last (Ho) VARUHO Middle MAI First (Ten)

Current Address: 119 Thang - Ngay - Nam Van Tao, K.1, P.9, H. Co Mau, Minh Hai

Date of Birth: 1949 Place of Birth: Xuan Doan, Cho Gio, My Tho

Previous Occupation (before 1975): Master Sergeant, K.B.C. 6160  
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From March 7, 1979 To March 7, 1990  
(Thang - Ngay - Nam) Years: 11 Months: - Days: -

3. SPONSOR'S NAME: \_\_\_\_\_  
(Kieu co) Name

Address and Telephone Number

### 1. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| Name, Address & Telephone Number | Relationship |
|----------------------------------|--------------|
|----------------------------------|--------------|

|  |  |
|--|--|
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

IAN NAV 21

If you are eligible to file for the Department of Homeland Security Category 1 of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship, you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ VAN HAI  
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVE | DATE OF BIRTH        | RELATIONSHIP TO PA. |
|-----------------------------------------|----------------------|---------------------|
| PHAN THI CON                            | 1939                 | Wife                |
| LÊ THI MY                               | November 30<br>1970  | Daughter            |
| LÊ VAN CHÂU                             | November 4,<br>1971  | Son                 |
| LÊ VAN THANH                            | November 9,<br>1973  | Son                 |
| LÊ VAN TRUNG                            | November 9,<br>1973  | Son                 |
| LÊ VAN CUOP                             | December 10,<br>1975 | Son                 |
|                                         |                      |                     |
|                                         |                      |                     |
|                                         |                      |                     |
|                                         |                      |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from)

APPLICANT'S ADDRESS :

*banh*  
LÊ VAN HAI  
119 Nguyen Văn Tào  
Khóm 1, P.9  
Thị Xã Cà Mau, Minh Hải

BỘ NỘI VỤ  
Trại Xuân Lộc.

Số 36 /HS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Q 0 3 3 8 6 0 2 0 0 I

SHSLD

## GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Tại hành án văn, quyết định tha số I3 /ST-HS ngày 05 tháng II năm 1985  
của Toà án nhân dân tỉnh Minh Hải.

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Lê văn Hai Sinh năm 19 1942

Các tên gọi khác

Nơi sinh Mỹ Tho

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

II9 Nguyễn văn Tạo, Khóm I, P9 Thị xã Cà Mau, Minh Hải

Can tội âm mưu lật đổ chính quyền.

Bị bắt ngày 17/03/1979 An phạt 15 năm

Theo quyết định, án văn số \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ của \_\_\_\_\_

Đã bị tăng án \_\_\_\_\_ lần, cộng thành \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_

Đã được giảm án 04 lần, cộng thành 4 năm \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_

Nay về cư trú tại \_\_\_\_\_

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng: Có biểu hiện an tâm tin vào sự khoan hồng của CM

Lao động: Tự giác hoàn tốt công việc được giao.

Nội quy kỷ luật: Chấp hành nghiêm không sai phạm gì.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: \_\_\_\_\_

Trước ngày 25 tháng 03 năm 19 90

Chữ ký ngón tay phải

Của \_\_\_\_\_

Danh bản số \_\_\_\_\_

Lập tại \_\_\_\_\_

Họ tên, chữ ký  
người được cấp giấy

Lê văn Hai

Lê văn Hai

Ngày 17 tháng 03 năm 19 90

P. Trưởng trại

(ghi rõ họ, tên, cấp bậc, chức vụ)

Thay mặt Ban Giám sát

☆

Trích lục  
**CHỮNG-THƯ' HÔN THỨ**

Số hiệu: 1016

101 102 103 104 105 106 107 108 109 110 111 112 113 114 115 116 117 118 119 120 121 122 123 124 125 126 127 128 129 130 131 132 133 134 135 136 137 138 139 140 141 142 143 144 145 146 147 148 149 150 151 152 153 154 155 156 157 158 159 160 161 162 163 164 165 166 167 168 169 170 171 172 173 174 175 176 177 178 179 180 181 182 183 184 185 186 187 188 189 190 191 192 193 194 195 196 197 198 199 200 201 202 203 204 205 206 207 208 209 210 211 212 213 214 215 216 217 218 219 220 221 222 223 224 225 226 227 228 229 230 231 232 233 234 235 236 237 238 239 240 241 242 243 244 245 246 247 248 249 250 251 252 253 254 255 256 257 258 259 260 261 262 263 264 265 266 267 268 269 270 271 272 273 274 275 276 277 278 279 280 281 282 283 284 285 286 287 288 289 290 291 292 293 294 295 296 297 298 299 300 301 302 303 304 305 306 307 308 309 310 311 312 313 314 315 316 317 318 319 320 321 322 323 324 325 326 327 328 329 330 331 332 333 334 335 336 337 338 339 340 341 342 343 344 345 346 347 348 349 350 351 352 353 354 355 356 357 358 359 360 361 362 363 364 365 366 367 368 369 370 371 372 373 374 375 376 377 378 379 380 381 382 383 384 385 386 387 388 389 390 391 392 393 394 395 396 397 398 399 400 401 402 403 404 405 406 407 408 409 410 411 412 413 414 415 416 417 418 419 420 421 422 423 424 425 426 427 428 429 430 431 432 433 434 435 436 437 438 439 440 441 442 443 444 445 446 447 448 449 450 451 452 453 454 455 456 457 458 459 460 461 462 463 464 465 466 467 468 469 470 471 472 473 474 475 476 477 478 479 480 481 482 483 484 485 486 487 488 489 490 491 492 493 494 495 496 497 498 499 500 501 502 503 504 505 506 507 508 509 510 511 512 513 514 515 516 517 518 519 520 521 522 523 524 525 526 527 528 529 530 531 532 533 534 535 536 537 538 539 540 541 542 543 544 545 546 547 548 549 550 551 552 553 554 555 556 557 558 559 560 561 562 563 564 565 566 567 568 569 570 571 572 573 574 575 576 577 578 579 580 581 582 583 584 585 586 587 588 589 590 591 592 593 594 595 596 597 598 599 600 601 602 603 604 605 606 607 608 609 610 611 612 613 614 615 616 617 618 619 620 621 622 623 624 625 626 627 628 629 630 631 632 633 634 635 636 637 638 639 640 641 642 643 644 645 646 647 648 649 650 651 652 653 654 655 656 657 658 659 660 661 662 663 664 665 666 667 668 669 670 671 672 673 674 675 676 677 678 679 680 681 682 683 684 685 686 687 688 689 690 691 692 693 694 695 696 697 698 699 700 701 702 703 704 705 706 707 708 709 710 711 712 713 714 715 716 717 718 719 720 721 722 723 724 725 726 727 728 729 730 731 732 733 734 735 736 737 738 739 740 741 742 743 744 745 746 747 748 749 750 751 752 753 754 755 756 757 758 759 760 761 762 763 764 765 766 767 768 769 770 771 772 773 774 775 776 777 778 779 780 781 782 783 784 785 786 787 788 789 790 791 792 793 794 795 796 797 798 799 800 801 802 803 804 805 806 807 808 809 810 811 812 813 814 815 816 817 818 819 820 821 822 823 824 825 826 827 828 829 830 831 832 833 834 835 836 837 838 839 840 841 842 843 844 845 846 847 848 849 850 851 852 853 854 855 856 857 858 859 860 861 862 863 864 865 866 867 868 869 870 871 872 873 874 875 876 877 878 879 880 881 882 883 884 885 886 887 888 889 890 891 892 893 894 895 896 897 898 899 900 901 902 903 904 905 906 907 908 909 910 911 912 913 914 915 916 917 918 919 920 921 922 923 924 925 926 927 928 929 930 931 932 933 934 935 936 937 938 939 940 941 942 943 944 945 946 947 948 949 950 951 952 953 954 955 956 957 958 959 960 961 962 963 964 965 966 967 968 969 970 971 972 973 974 975 976 977 978 979 980 981 982 983 984 985 986 987 988 989 990 991 992 993 994 995 996 997 998 999 1000 1001 1002 1003 1004 1005 1006 1007 1008 1009 1010 1011 1012 1013 1014 1015 1016 1017 1018 1019 1020 1021 1022 1023 1024 1025 1026 1027 1028 1029 1030 1031 1032 1033 1034 1035 1036 1037 1038 1039 1040 1041 1042 1043 1044 1045 1046 1047 1048 1049 1050 1051 1052 1053 1054 1055 1056 1057 1058 1059 1060 1061 1062 1063 1064 1065 1066 1067 1068 1069 1070 1071 1072 1073 1074 1075 1076 1077 1078 1079 1080 1081 1082 1083 1084 1085 1086 1087 1088 1089 1090 1091 1092 1093 1094 1095 1096 1097 1098 109

Ủy viên Hộ-Tịch

Ngày 15/10/2000  
Thị trấn Thủ Đức - Thành phố Thủ Đức

NGUYEN-VAN-HA

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH AN-XUYỀN

QUẬN QUAN-LONG

XÃ TÂN-XUYỀN

SỐ HIỆU 3204

✱



# TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Lập ngày 30 tháng 11 năm 1970

Tên họ đứa trẻ LÊ-VĂN-MỸ

Con trai hay con gái NỮ

Ngày sinh Ngày Ba mươi tháng mười một Dương lịch

Đã một nghìn chín trăm bảy mươi (30.11.1970)

Nơi sinh Tân-Xuyên (An-Xuyên)

Tên họ người cha Lê-Văn-Sài

Tên họ người mẹ Phan-Thị-Sam

Vợ chánh hay không có hôn thú Vợ chánh

Hôn thú số 1.016 Tân-Xuyên (14.11.1969)

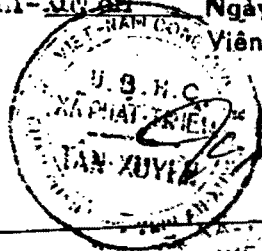
Tên họ người đứng khai Lê-Văn-Hai

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÁNH

Xã Phát-Triển Tân-Xuyên

Ngày 30 tháng 04 năm 1972

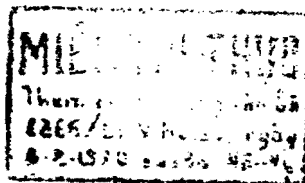
Viên chức hội tịch



XÃ PHÁT TRIỂN  
NGUYỄN VĂN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA  
TỈNH AN-XUYEN  
QUẬN QUANG-LONG  
XA TÂN-XUYEN  
SỐ HIỆU 3397

⊗



# TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Lập ngày 05 tháng 11 năm 1971

Tên họ đứa trẻ LÊ-VĂN-CHÂU

Con trai hay con gái Nam

Ngày sinh Ngày bốn, tháng mười một, dương lịch. Năm một ngàn chín trăm bảy mươi một (04.11.71)

Nơi sinh Tân-Xuyen (An-Xuyen)

Tên họ người cha Lê-văn-Hai

Tên họ người mẹ Phan-tạ-Cam

Vợ chánh hay không có hôn thú Vợ chánh

Hôn thú số 1.016 Tân-Xuyen (14.11.69)

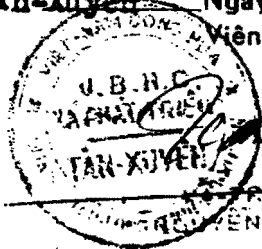
Tên họ người đứng khai Lê-văn-Hai

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÁNH

Xã Phát-Triển Tân-Xuyen

Ngày 30 tháng 04 năm 1974

Viên chức hội tịch



TRƯỞNG  
LÊ-VĂN-HAI-VĂN



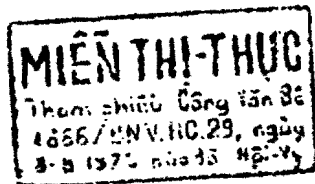
VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH AN-XUYỀN  
QUẬN Quần-Long  
XÃ Tân-Xuyen  
PHƯỜNG //  
SỐ HIỆU 2232

# TRÍCH-LỤC BỘ-KHAI-SANH

Lập ngày 14 tháng II năm 1973

Tên họ đứa trẻ : LÊ-VAN-THÀNH-(Song-Thai) -  
Con trai hay con gái : Nam  
Lúc 2 Giờ 30 phút  
Ngày sanh : Ngày chín, tháng mười một, DL. Nam 1973  
Nơi sanh : Tân-Xuyen-(An-Xuyen)-  
Tên họ người cha : Lê-Van-Hai -  
Tên họ người mẹ : Phan-Thị-Cam -  
Vợ chánh hay không có : Vợ chánh  
Hôn thú : Số: 1016 Xã Tân-Xuyen-(14-II-69) -  
Tên họ người đứng khai : Lê-Van-Hai -



TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

Tân-Xuyen, ngày 14 tháng II năm 1973



NGUYỄN-HAI-VAN

VIỆT NAM CỘNG HÒA

TỈNH AN-XUYỀN

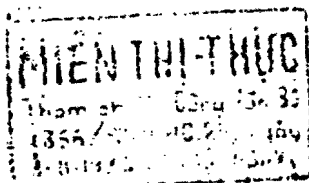
QUẬN Quận-Loài

XÃ Tân-Xuyên

PHƯỜNG //

SỐ HIỆU 2233

①



# TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Lập ngày 14 tháng II năm 19 73

Tên họ đứa trẻ : LÊ-VĂN-TRÍ-(Song-Thai)

Con trai hay con gái Nam

Lúc 2 giờ 40 phút

Ngày sanh Ngày chín, tháng mười một, DL. Năm 1973

Nơi sanh : Tân-Xuyên-(An-Xuyên-)

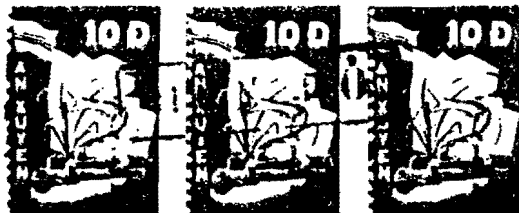
Tên họ người cha : Lê-Văn-Hai

Tên họ người mẹ : Phan-Thị-Cam

Vợ chính hay không có Vợ chánh

Hôn thú số: 1016 Xã Tân-Xuyên-(14-II-69)

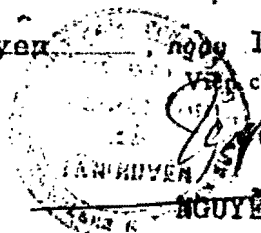
Tên họ người đứng khai : Lê-Văn-Hai



TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH

Tân-Xuyên ngày 14 tháng II năm 19 73

Viết chức hộ tịch



NGUYỄN-HAI-VÂN

NGHĨA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT-NAM  
Độc lập - Tự-do - Hạnh-phúc

KHAI SINH DANH-DỰ

Chúng tôi là LÊ VĂN HAI và PHAN THẠCH CẨM  
ở nhà số 119... đường Nguyễn Văn Tố khóm 1.....  
phường 12... Thị-Xã Cà-Mau, lấy danh-dự là người công-dân  
của Nước Cộng-Hòa Xã-Hội Chủ-Nghĩa Việt-Nam mà khai sinh cho  
con chúng tôi.

HAY XIN KHAI DANH-DỰ

Họ và tên ... LÊ VĂN CƯỚC... (Nam hay nữ) NAM.  
Ngày 10... tháng 12... năm 1975... nơi sinh Đường 12.  
Thị-Xã CÀ MAU... Tỉnh HẢI HẢI.....

MỤC :

|                |   |              |   |              |
|----------------|---|--------------|---|--------------|
| Họ và tên tuổi | : | Phần khai về | : | Phần khai về |
| Cha mẹ         | : | người cha    | : | người mẹ     |

Dân-tộc, Quốc-tịch : "KHU" VIỆT NAM : "KHU" VIỆT NAM

Chỗ ở, nghề-nghiệp : .....

Đường 12 "Làng Nhàn Đường 12" Lộ 12

..... "TÀ ĐỔ XE" ..... "NƠI ĐỔ" .....

Họ và tên người khai : ..... LÊ VĂN HAI .....

Phường 12, ngày 22 tháng 10 năm 1976.  
Người khai,

Xác-nhận của Chánh-  
quyền địa-phương,

THÀNH BỐ CHỈ  
Phan Văn Tố  
Phan Văn Tố

Coauhal



# HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE: POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

1 AM NAV 71

P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0635

TELEPHONE: 703-560-0058

IVB:

VE L. F:

I- 711: Y NO

EXIT VISA:

## POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM: 1 AM NAV 71 HAI  
(Ten Tu Nhan) Last (Ho) Middle First (Ten)

Current Address: 177 Đường Văn Tạo, K.1, F.3, Huyện Cần Mau, Minh Hải

Date of Birth: 1944 Place of Birth: Xuân Đông, Chợ Gạo, Mỹ Tho  
Thang - Ngay - Nam

Previous Occupation (before 1975): Master Sergeant, KBC 6160  
(Rank & Position) 1 AM NAV 71

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP: Dates: From March 7, 1979 To March 7, 1999  
(Thang - Ngay - Nam) Years: 11 Months: - Days: -

3. SPONSOR'S NAME: \_\_\_\_\_  
(lien co) Name

Address and Telephone Number

### 1. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| Name, Address & Telephone Number | Relationship |
|----------------------------------|--------------|
| _____                            | _____        |
| _____                            | _____        |
| _____                            | _____        |
| _____                            | _____        |

1 AM NAV 71

If you are eligible to file for the applicant under Category 1 of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ VAN HAI  
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH        | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|----------------------|---------------------|
| PHAN THI GAM                             | 1939                 | Wife                |
| LÊ THI MY                                | November 30<br>1970  | Daughter            |
| LÊ VAN CHAU                              | November 4,<br>1971  | Son                 |
| LÊ VAN THANH                             | November 9,<br>1973  | Son                 |
| LÊ VAN TRI                               | November 9,<br>1973  | Son                 |
| LÊ VAN CUOP                              | December 10,<br>1975 | Son                 |
|                                          |                      |                     |
|                                          |                      |                     |
|                                          |                      |                     |
|                                          |                      |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from)

APPLICANT'S ADDRESS :

*Waukai*  
LÊ VAN HAI  
119 Nguyen văn Tào  
Khóm 1, P.9  
Thị Xã Cà Mau, Minh Hải

BỘ NỘI VỤ  
Trại Xuân Lộc.

Số 36 /HS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG ban hành theo công văn số 2505 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Q 0 3 3 8 6 0 2 0 0 I

SHSLD

## GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

hành án văn, quyết định tha số I3 /ST-HS ngày 05 tháng II năm 1985

của Tòa án nhân dân tỉnh Minh Hải.

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Lê Văn Hai Sinh năm 19 1942

Các tên gọi khác:

Nơi sinh Mỹ Tho

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt:

II9 Nguyễn Văn Tạo, Khóm I, P9 Thị xã Cà Mau, Minh Hải

Can tội âm mưu lật đổ chính quyền

Bị bắt ngày 17/03/1979 Án phạt 15 năm

Theo quyết định, án văn số \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ của \_\_\_\_\_

Đã bị tăng án \_\_\_\_\_ lần, cộng thành \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_

Đã được giảm án 04 lần, cộng thành 4 năm \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_

Nay về cư trú tại \_\_\_\_\_

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng: Có biểu hiện an tâm tin vào sự khoan hồng của CM

Lao động: Tự giác hoàn tốt công việc được giao.

Nội quy kỷ luật: Chấp hành nghiêm không sai phạm gì.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày 25 tháng 03 năm 19 90

Chữ ký người trả phải

Cán

Danh hiệu số

Lập tại

Họ tên, chữ ký  
người được cấp giấy

Lê Văn Hai

Lê Văn Hai

Ngày 17 tháng 03 năm 19 90

P. Trưởng trại

(ghi rõ họ, tên, cấp bậc, chức vụ)



Thái Bình

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

☆

TỈNH HAY THÀNH-PHỐ

Trích lục

**CHỨNG-THƯ HÔN THỦ**

TỈNH AN-XUYỀN

QUẬN CỬ ĐÌNH

XÃ TÂN-HY-TRẦN

Số hiệu 1016

Tên, họ người chồng **LÝ - VĂN - HAI**

nghề-nghệp **quân nhân**

Sanh ngày tháng năm **1.944**

tại **xuân công (định tượng)**

cư sở tại **tân-xuyên (an-xuyên)**

tạm trú tại **tân-xuyên (an-xuyên)**

Tên họ cha chồng **LÝ - VĂN - HUY (chết)**

(sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ chồng **LÝ - THỊ - HUY (chết)**

(sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ người vợ **PHẠM - THỊ - CẨM**

nghề nghiệp **nội trợ**

Sanh ngày tháng năm **1.939**

tại **châu phư (angiang)**

cư sở tại **tân-xuyên (an-xuyên)**

tạm trú tại **tân-xuyên (an-xuyên)**

Tên, họ cha vợ //

(sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ vợ **PHẠM - THỊ - TIỀN (sống)**

(sống chết phải ghi rõ)

— Ngày cưới **ngày mười bốn tháng mười một (đương lịch)**

**năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín (14-II-1.969)**

Vợ chồng khai có hay không lập hôn-kế

Ngày tháng năm

tại

TRÍCH Y BỒN CHÁNH :

**tân-xuyên** ngày **14** tháng **II** năm **1969**

Ủy viên Hộ-Tịch



**HỒI TÊN-VĂN-HAI**

TRƯỞNG TỈNH AN-XUYỀN

CHỖ SẾU QUẢN LÝ

Kho Xếp ngày 14 tháng 4 năm 1969

TRƯỞNG TỈNH AN-XUYỀN

Trưởng Ủy Ban Hộ-Tịch

*[Signature]*

**VĂN-ĐẠI**

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH AN-XUYỀN

QUẬN QUẬN-LÔNG

XÃ TÂN-XUYỀN

SỐ HIỆU 3204

✱



# TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Lập ngày 30 tháng 11 năm 19 70

Tên họ đứa trẻ LÊ-THỊ-CHÝ

Con trai hay con gái Nữ

Ngày sinh Ngày Ba mươi tháng mười một Dương lịch,

năm một nghìn chín trăm bảy mươi (30.11.1970)

Nơi sinh Tân-Xuyên (An-Xuyên)

Tên họ người cha LÊ-văn-Hai

Tên họ người mẹ Phan-thị-San

Vợ chánh hay không có hôn thú Vợ chánh

Hôn thú số 1.016 Tân-Xuyên (14.11.1967)

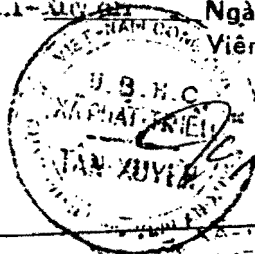
Tên họ người đứng khai LÊ-văn-Hai

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÁNH

Xã Phát-Triển Tân-Xuyên

Ngày 30 tháng 04 năm 19 72

Viên chức hội tịch



NGUYỄN VĂN



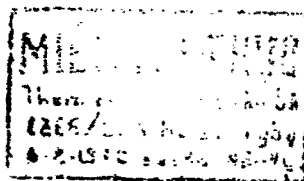
VIỆT-NAM CỘNG-HÒA  
TỈNH AN-XUYEN

QUẬN QUANG-TRUNG

XÃ TÂN-XUYEN

SỐ HIỆU 3397

⊗



# TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Lập ngày 05 tháng 11 năm 1971

Tên họ đứa trẻ LÊ-VĂN-CHÂU

Con trai hay con gái Nam

Ngày sinh Ngày bốn, tháng mười một, dương lịch. Nam một  
ngàn chín trăm bảy mươi một (04.11.71)

Nơi sinh Tân-Xuyên (An-Xuyên)

Tên họ người cha Lê-văn-Hai

Tên họ người mẹ Phan-thị-Gam

Vợ chánh hay không có hôn thú Vợ chánh

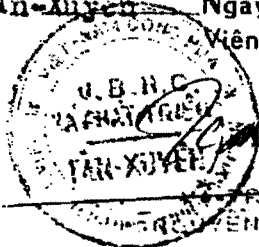
Hôn thú số 1.016 Tân-Xuyên (14.11.69)

Tên họ người đứng khai Lê-văn-Hai

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÁNH E

Xã Phát-Triển Tân-Xuyên Ngày 05 tháng 04 năm 1974

Viên chức hội tịch E



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH AN-XUYỀN

QUẬN Quận-Long

XÃ Tân-Xuyên

PHƯỜNG //

SỐ HIỆU 2232

①

MIỄN THỊ-THỰC

Tham chiếu Công Văn Số  
4056/ĐNV.HC.29, ngày  
8-8-1970 của Bộ Nội-Vụ

# TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Lập ngày 14 tháng II năm 19 73

Tên họ đứa trẻ : LÊ-VAN-THÀNH-(Song-Thai)

Con trai hay con gái : Nam

Lúc 2 Giờ 30 phút  
Ngày sanh Ngày chín, tháng mười một, DL. Nam 1973

Nơi sanh : Tân-Xuyên-(An-Xuyên-)

Tên họ người cha : Lê-Van-Hai

Tên họ người mẹ : Phan-Thị-Cam

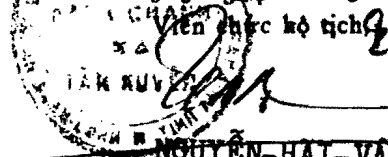
Vợ chánh hay không có Vợ chánh  
Hôn thú Số: 1016 Xã Tân-Xuyên-(14-II-69-)

Tên họ người đứng khai : Lê-Van-Hai



TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH

Tân-Xuyên, ngày 14 tháng II năm 19 73



NGUYỄN-HAI-VAN

VIỆT NAM CỘNG HÒA

TỈNH AN-XUYỀN

QUẬN ~~Quận Lộc~~

XÃ Tân-Xuyên

PHƯỜNG //

SỐ HIỆU 2233

①

# TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Lập ngày 14 tháng II năm 1973

Tên họ đứa trẻ : LÊ-VAN-TRÍ-(Song-Thai)

Cop trai hay con gái Nam

Lúc 2 giờ 40 phút

Ngày sanh Ngày chín, tháng mười một, DL. Năm 1973

Nơi sanh Tân-Xuyên-(An-Xuyên-)

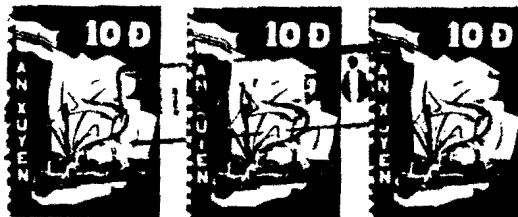
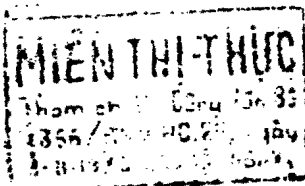
Tên họ người cha Lê-Van-Hai

Tên họ người mẹ Phan-Thị-Cam

Vợ chánh hay không có Vợ chánh

Hôn thú số: 1016 Xã Tân-Xuyên-(14-II-62)

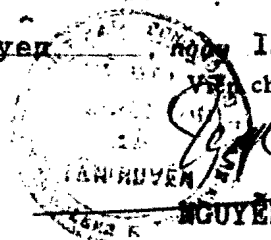
Tên họ người đứng khai: Lê-Van-Hai



TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH

Tân-Xuyên ngày 14 tháng II năm 1973

Vấn chức hộ tịch



NGUYỄN-HẢI-VÂN

NGHĨA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT-NAM  
TỰ-DO HẠNH-PHÚC

KHAI SINH DANH-DỰ

Chúng tôi là LÊ-VĂN-HAI và PHAN-TU-CA-M  
ở nhà số 119... đường Nguyễn Văn B...  
phường 12... Thị-Xã Cà-Mau, lấy danh-dự là người công-dân  
của Nước Cộng-Hòa Xã-Hội Chủ-Nghĩa Việt-Nam mà khai sinh cho  
con chúng tôi.

NAY XIN KHAI DANH-DỰ

Họ và tên ... LÊ-VĂN-CUỐP... (Nam hay nữ) NAM.

Ngày 10... tháng 12... năm 1975... nơi sinh Đường 12.

Thị-Xã CÀ MAU... Tỉnh HỒ CHÍ MINH...

MỤC :

Họ và tên tuổi : Phần khai về : Phần khai về  
Cha mẹ : người cha : người mẹ

Dân-tộc, Quốc-tích : "KHU" VIỆT-NAM : "KHU" VIỆT-NAM

Chỗ ở, nghề-nghiệp : Đường 12 "Cộng-Nhân-Vương 12" LAO ĐỘNG

: "TÀ ĐỒ XE" : "NƠI ĐÓNG"

Họ và tên người khai : LÊ-VĂN-HAI

Xác-nhận của Chánh-  
quyền địa-phương,

THAM BẢO CH 812

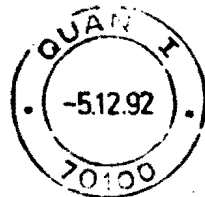
Chánh quyền

Phường 12, ngày 22 tháng 10 năm 1976.  
Người khai,

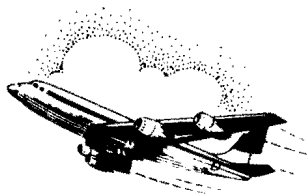
Coauhal

FROM: Lê Văn Hai  
119 Nguyễn Văn Tao  
KI, Fg Thị xã Cà Mau  
Minh Hải

PAR AVION



Ant. Com



PAR AVION VIA AIR MAIL

FAMILIES OF VIETNAMESE  
POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION  
TO: PO Box 5435 ARLINGTON  
VA 22205-0635  
U. S. A